

Số: /GPMT

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ: Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư nâng công suất khai thác mỏ đất san lấp Đức Bông 1,2 tại xã Đức Bông, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh”; Giấy phép khai thác khoáng sản số 78/GP-UBND ngày 11/01/2022 của UBND tỉnh và Giấy phép khai thác khoáng sản điều chỉnh số 2182/GP-UBND ngày 25/10/2022 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3473/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường của Mỏ đất san lấp Đức Bông 1, 2, xã Đức Bông, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh (Tổ thẩm định);

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1916/TTr-STNMT ngày 06/5/2024 (trên cơ sở đề xuất của Công ty CP khai thác khoáng sản Vịnh Thắng tại Văn bản số 36/CV ngày 30/11/2023; ý kiến của Tổ thẩm định tại Văn bản số 196/STNMT-MT ngày 12/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn bản số 16/VT-MT ngày 16/4/2024 của Công ty CP khai thác khoáng sản Vịnh Thắng về bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện), ý kiến thống nhất của các Thành viên UBND tỉnh qua Biểu quyết.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần khai thác khoáng sản Vịnh Thắng (địa chỉ: xã Đức Bông, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh) được thực hiện các hoạt động bảo

vệ môi trường của cơ sở “Đầu tư nâng công suất khai thác mỏ đất san lấp Đức Bồng 1,2 tại xã Đức Bồng, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh” với các nội dung sau đây:

**1. Thông tin chung của Cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Mỏ đất san lấp Đức Bồng 1,2, xã Đức Bồng, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Đức Bồng, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3002210657, do Phòng Đăng ký Kinh doanh, Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 21/12/2020.

1.4. Mã số thuế: 30002210657

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Cơ sở: khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Khai thác mỏ đất san lấp Đức Bồng 1,2 tại xã Đức Bồng, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh trên tổng diện tích 7,85ha, bao gồm làm 02 khu vực: khu vực 01 có diện tích là 6,78ha, khu vực 02 có diện tích là 1,07ha.

- Quy mô, công suất của cơ sở: khai thác 260.000m<sup>3</sup> đất nguyên khai /năm.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện các yêu cầu về cải tạo, phục hồi môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Công ty Cổ phần khai thác khoáng sản Vịnh Thắng, Hội đồng thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan tổng hợp, thẩm định, đề xuất) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan liên quan về nội dung, số liệu báo cáo và đề xuất tại các Tờ trình và Văn bản nêu trên, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về môi trường, đầu tư, quy hoạch, xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty CP khai thác khoáng sản Vịnh Thắng sau khi được cấp Giấy phép môi trường:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường;

2. Có trách nhiệm:

- Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bụi, khí thải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, bụi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải và sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 4.** Thời hạn của Giấy phép: đến ngày 25 tháng 12 năm 2026 (Theo thời hạn của Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản số 2182/QĐ-UBND ngày 25/10/2022).

**Điều 5.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Vũ Quang tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với “Mỏ đất san lấp Đức Bông 1,2, xã Đức Bông, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh” theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP/UB (phụ trách);
- Công ty CP khai thác KS Vịnh Thắng;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL<sub>3</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hồng Lĩnh**



**Phụ lục 01**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU  
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / /2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải, nước mưa chảy tràn:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên làm việc tại Cơ sở.
- Nguồn số 02: Nước mưa chảy tràn qua các khu vực khai thác.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải,  
vị trí xả nước thải:**

**2.1. Dòng nước thải:**

**2.1.1. Nước thải sinh hoạt:**

- Dòng số 1: Sau khu vệ sinh của khu vực 1.
- Dòng số 2: Sau khu vệ sinh của khu vực 2.

Nước thải sinh hoạt tại mỗi khu vực khai thác sau khi được xử lý bằng bể tự hoại được dẫn ra hồ thu kết hợp lắng lọc cát sỏi cùng với nước rửa tay chân để xử lý trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận là suối Cầu Động

**2.1.2. Nước mưa chảy tràn:**

- Dòng số 1: Nước mưa chảy tràn của khu vực 2 về hồ lắng số 1.
- Dòng số 2: Nước mưa chảy tràn của khu vực 1 qua hồ lắng số 2 sau đó chảy về hồ lắng số 3.
- Dòng số 3: Nước mưa chảy tràn của khu vực 1 về hồ lắng số 4.

Nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác số 1 và số 2 sau khi qua hồ lắng từng khu vực chảy vào hệ thống mương thoát nước từng khu vực rồi chảy ra suối Cầu Động.

**2.2. Nguồn tiếp nhận, vị trí xả nước thải:**

2.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Cầu Động, thuộc xóm 4, xã Đức Bồng, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh.

**2.2.2. Tọa độ vị trí xả nước thải:**

- Tọa độ vị trí xả nước thải sinh hoạt tại khu vực 1: X (m) = 2036420; Y (m) = 503490 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).
- Tọa độ vị trí xả nước thải sinh hoạt tại khu vực 2: X (m) = 2036113; Y (m) = 503205 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).
- Tọa độ vị trí xả nước mưa chảy tràn sau hồ lắng số 1 thuộc khu vực 2: X(m) = 2036115; Y(m) = 503205 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).
- Tọa độ vị trí xả nước mưa chảy tràn sau hồ lắng số 3 thuộc khu vực 1: X(m) = 2036529; Y(m) = 503349 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

- Tọa độ vị trí xả nước mưa chảy tràn sau hồ lắng số 4 thuộc khu vực 1:  $X(m) = 2036437$ ;  $Y(m) = 503512$  (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ).

2.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Nước thải sinh hoạt:  $0,9m^3$ /ngày đêm (tương đương  $0,04m^3$ /giờ)/01 khu vực.
- Nước mưa chảy tràn (những ngày có mưa):
  - + Lưu lượng xả sau hồ lắng số 1 (khu vực 2):  $33 m^3/h$ .
  - + Lưu lượng xả sau hồ lắng số 3 (khu vực 1):  $120 m^3/h$ .
  - + Lưu lượng xả sau hồ lắng số 4 (khu vực 1):  $88 m^3/h$ .

2.2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải được xả theo phương thức tự chảy.

2.2.5. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn theo các thời điểm trong ngày đối với nước thải sinh hoạt; xả gián đoạn vào thời điểm có mưa đối với nước mưa chảy tràn.

2.2.6. Chất lượng nước thải, nước mưa chảy tràn trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

2.2.6.1. Nước thải sinh hoạt:

Chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,2. Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)
1	pH	Thang pH	5 - 9
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1.200
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Photphat (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliform	MPN/ 100ml	5000

2.2.6.2. Nước mưa chảy tràn:

Chất lượng nước mưa chảy tràn tại 02 khu vực khai thác trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT, cột B,  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 1,0$  - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Cụ thể như sau:

TT	Thông số phân tích	Đơn vị đo	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, $K_q=0,9$ , $K_f=1,0$ )
1	pH	Thang pH	5,5– 9
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	45
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	90
4	COD	mg/l	135
5	Chì (Pb)	mg/l	0,45
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	9
7	Tổng Nitơ	mg/l	36
8	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	5,4
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9
10	Sắt (Fe)	mg/l	4,5
11	Mangan	mg/l	0,9
12	Tổng Coliform	MPN/100ml	5000

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀ NƯỚC MƯA CHẢY TRÀN:**

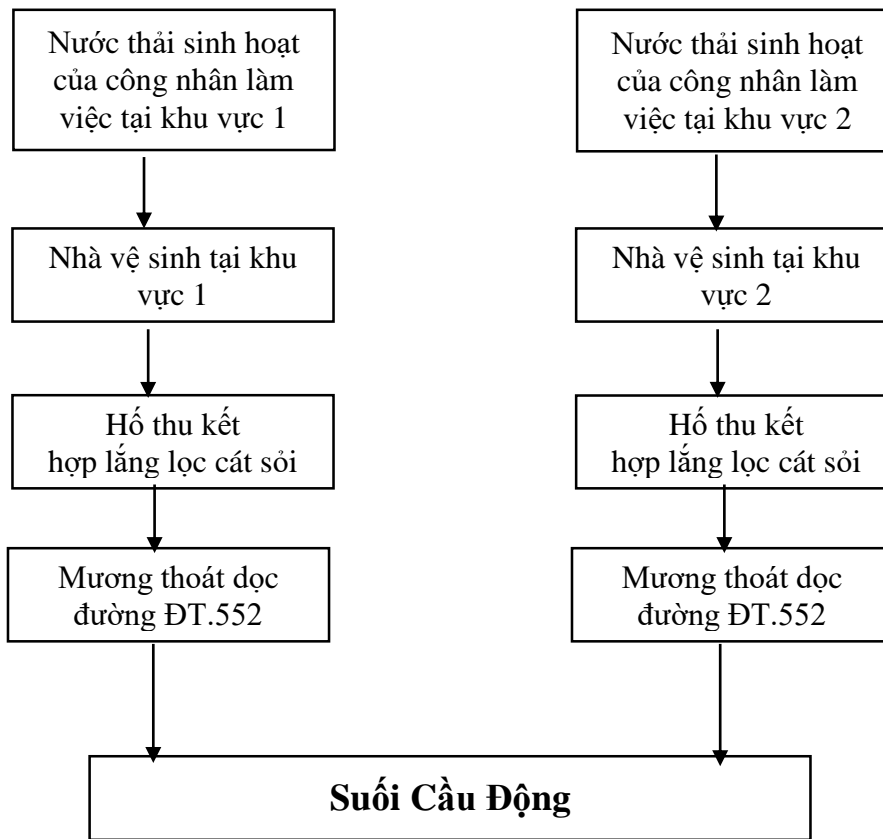
### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.**

*1.1.1. Nước thải sinh hoạt:*

- Nước thải từ quá trình đào thải của cán bộ công nhân được thu gom vào bể tự hoại đặt ngầm dưới công trình để xử lý bằng phương pháp phân hủy kỵ khí, cùng với nước thải từ hoạt động tắm giặt, rửa tay chân dẫn vào hố thu kết hợp lắng lọc cát sỏi, sau đó chảy ra mương thoát nước dọc đường ĐT.552 trước khi chảy ra nguồn nước tiếp nhận là suối Cầu Động.

- Sơ đồ thu gom nước thải sinh hoạt:



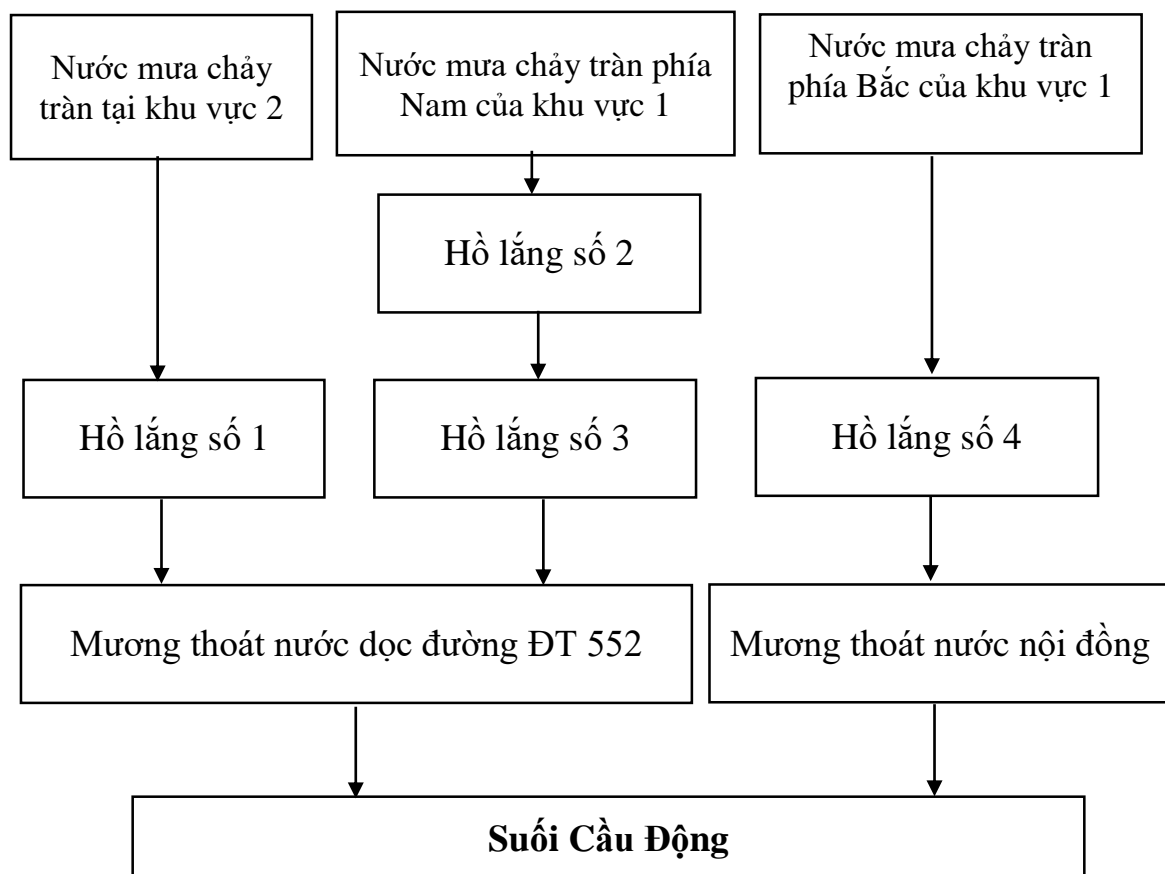
*1.1.2. Nước mưa chảy tràn qua 02 khu vực khai thác:*

- Nước mưa chảy tràn khu vực 1 được thu gom bằng rãnh thoát nước dọc đường giao thông nội mô theo 2 dòng: một dòng chảy lần lượt qua 2 hồ lắng số 2 và số 3 để xử lý lắng cơ học sau đó chảy ra hệ thống mương thoát nước dọc đường ĐT.552 chảy ra suối Cầu Động; một dòng chảy qua hồ lắng số 4 để xử lý lắng cơ học trước khi chảy ra mương thoát nước nội đồng sau đó chảy ra suối Cầu Động.

- Nước mưa chảy tràn khu vực số 2 được thu gom dẫn về hồ lắng số 01 để xử lý bằng biện pháp lắng cơ học sau đó theo mương thoát nước dọc đường ĐT.552 chảy ra suối Cầu Động.

- Sơ đồ thu gom, thoát nước nước mưa chảy tràn:





## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

### 1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

- 02 bể tự hoại 3 ngăn (thể tích mỗi bể  $5\text{m}^3$ , kích thước:  $D \times R \times H = 2,5\text{m} \times 1\text{m} \times 2\text{m}$ ), mỗi khu vực 01 bể.

- 02 hồ thu kết hợp lắng lọc cát (mỗi hồ có thể tích  $4,5\text{m}^3$ ; kích thước:  $D \times R \times H = 2\text{m} \times 1,5\text{m} \times 1,5\text{m}$ ).

### 1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác:

Hệ thống hồ lắng, gồm 4 hồ, kết cấu bằng đất, kích thước như sau:

+ Hồ lắng số 1: Thể tích  $75\text{m}^3$  ( $5\text{m} \times 10\text{m} \times 1,5\text{m}$ ).

+ Hồ lắng số 2: Thể tích  $150\text{m}^3$  ( $10\text{m} \times 10\text{m} \times 1,5\text{m}$ ).

+ Hồ lắng số 3 và số 4: Thể tích  $240\text{m}^3$  ( $10\text{m} \times 16\text{m} \times 1,5\text{m}$ ).

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**Phụ lục 02**

**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**A. NGUỒN PHÁT SINH BỤI, KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:**

- Bụi, khí thải từ hoạt động bóc đất tầng phủ, khai thác, bốc xúc tập kết, bán sản phẩm;

- Bụi, khí thải từ máy móc, phương tiện hoạt động trên khu vực khai thác và từ phương tiện giao thông ra vào vận chuyển sản phẩm.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải:**

Đây là các nguồn thải phân tán, không tập trung nên không xác định cụ thể vị trí, lưu lượng, phương thức xả bụi, khí thải.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu khí thải:**

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và yêu cầu công nhân sử dụng bảo hộ lao động trong quá trình làm việc.

- Thực hiện phun nước làm ẩm trên tuyến đường vận chuyển từ khu mỏ ra đường ĐT.552. Tần suất phun ẩm vào những ngày khô hanh, nắng nóng là 4 lần/ngày, vào những ngày bình thường là 2 lần/ngày.

- Thùng xe vận tải chở đất phải được phủ bạt, chở đúng trọng tải quy định;

- Phương tiện, thiết bị hoạt động trên khu vực khai thác và phương tiện vận chuyển phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật; định kỳ kiểm định, bảo dưỡng theo quy định.

- Định kỳ kiểm tra, cải tạo, nâng cấp những chỗ hư hỏng trên tuyến đường giao thông nội mỏ ra đường ĐT.552.

- Xịt rửa bánh xe trước khi vận chuyển ra khỏi khu vực mỏ.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Thường xuyên vận hành các công trình và thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh tại Cơ sở theo yêu cầu tại mục 1 Phần B Phụ lục này.

2.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu hoạt động khai thác đất làm phát sinh bụi, khí thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh Cơ sở;

2.3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm không khí đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm không khí do việc xả bụi, khí thải gây ra./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**



**Phụ lục 03**

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / /2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**A. NGUỒN PHÁT SINH TIẾNG ÒN:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:**

Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị đào xúc, vận chuyển đất, máy bơm nước, phương tiện ra vào khu vực mỏ.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:**

Tại vị trí khai thác đất, vị trí đặt máy bơm, dọc các tuyến đường giao thông nội mỏ...;

**3. Tiêu chuẩn tiếng ồn:**

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

<b>TT</b>	<b>Từ 6-21 giờ (dBA)</b>	<b>Từ 21-6 giờ (dBA)</b>	<b>Tần suất quan trắc</b>	<b>Ghi chú</b>
1	85	85	Tối thiểu 01 lần/năm	Vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp
2	65	65	Tối thiểu 01 lần/năm	Khu vực văn phòng.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN:1. Công  
trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, vặn chặt ốc vít máy móc, phương tiện chống rơ, chống rung giảm thiểu phát sinh tiếng ồn.

- Đối với người lao động phải được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động để giảm âm tiếng ồn như nút bịt tai, mũ áo bảo hộ...

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**



**Phụ lục 04**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ ngày / /2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

*1.1. Chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh:*

STT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau dính dầu mỡ, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	KS	18 02 01	09
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	NH	16 01 06	02
3	Dầu động cơ và bôi trơn tổng hợp thải	NH	17 02 03	10
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	KS	18 01 03	03
	<b>Tổng</b>			<b>24</b>

*1.2. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:*

Chất thải rắn sinh hoạt bao gồm: bao bì nilon, giấy loại, hộp nhựa, chai lọ thủy tinh, lon bia, rau củ quả, thức ăn dư thừa... với khối lượng khoảng 09kg/ngày.

*1.3. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:*

- Bùn thải từ bể tự hoại: khối lượng khoảng 0,69m<sup>3</sup>/năm;
- Bùn thải từ nạo vét hệ thống mương thoát nước, hồ lắng: khối lượng khoảng 84m<sup>3</sup>/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát**

*2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ và biện pháp xử lý chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát (CTCNPKS):*

*2.1.1. Thiết bị lưu chứa:*

Bố trí đủ các thùng nhựa đựng CTNH, CTCNPKS (dung tích khoảng 100lít/thùng) có nắp đậy, dán nhãn, phân loại chất thải đặt trong kho chứa chất thải.

### 2.1.2. Khu vực lưu chứa:

Kho lưu giữ CTNH, CTCNPKS: diện tích 5m<sup>2</sup> (2m x 2,5m), kết cấu vách được gia cố che chắn bằng tôn kín, có mái che, mặt sàn bằng bê tông đảm bảo không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

### 2.1.3. Biện pháp thu gom, xử lý:

Chủ cơ sở thu gom, phân định, phân loại, lưu chứa chất thải tại Kho lưu giữ CTNH, CTCNPKS và ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ và biện pháp xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bùn thải từ bể tự hoại, hợp đồng với đơn vị có chức năng bơm hút, nạo vét, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Bùn từ nạo vét hệ thống mương thoát nước, hồ lắng được lưu giữ trong mỏ để cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ và biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

#### 2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt đặt tại nhà điều hành, nhà nghỉ của công nhân (mỗi nơi 3 thùng, mỗi thùng có thể tích khoảng 20 lít) và 03 thùng có thể tích khoảng 100 lít/thùng đặt tại khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt để thực hiện thu gom, tập kết chất thải rắn sinh hoạt đã phân loại tại nguồn.

#### 2.3.2. Khu vực lưu chứa:

Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt được bố trí cùng kho lưu giữ CTNH, CTCNPKS, có vách ngăn riêng.

#### 2.3.3. Biện pháp thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế, tái sử dụng (như giấy, thùng carton hoặc các loại lon đựng nước giải khát,...) được thu gom vào thùng riêng, định kỳ bán phế liệu.

- Đối với chất thải thực phẩm hỏng và chất thải rắn còn lại được phân loại, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của địa phương và quy định của pháp luật.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Phòng ngừa và ứng phó sự cố trượt lở**

- Khai thác theo đúng thiết kế được phê duyệt, thực hiện đúng trình tự khai thác theo các thông số của hệ thống khai thác.

- Không thực hiện khai thác vào các ngày mưa hoặc vừa có mưa lớn xảy ra.



- Bố trí cán bộ kỹ thuật thường xuyên kiểm tra, quan sát độ ổn định của bờ moong khai thác để phát hiện các tảng đá lặn trên bề mặt hoặc các dấu hiệu mất ổn định của bờ moong khai thác nhằm xử lý kịp thời.
- Khai thác đến đâu thực hiện gia cố bờ moong đến đó.
- Đo vẽ định kỳ hàng năm địa hình khu vực khai trường, trong đó bao gồm các nội dung trắc địa bờ mỏ, tầng khai thác, taluy.
- Giữ lại cây xanh trên các khu vực chưa khai thác nhằm tăng khả năng giữ đất, hạn chế xói mòn, trôi trượt lở đất.

## **2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:**

- Bố trí các bình chữa cháy tại các vị trí thuận lợi của khu vực nhà kho, nhà văn phòng.
- Lắp đặt máy bơm, vòi dự phòng, các biển báo, nội quy tại các vị trí có nguy cơ xảy ra sự cố.
- Lập bảng nội quy cảnh báo cấm lửa khu vực tiếp giáp với rừng, gần nhà dân.
- Đảm bảo các điều kiện an toàn phòng cháy chữa cháy, phòng nổ theo quy định.

## **3. Phòng ngừa và ứng phó sự cố bão lũ:**

- Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết nắm bắt chính xác diễn biến của mưa, bão để có phương án đối phó kịp thời.
- Định kỳ trước mùa mưa bão, tiến hành kiểm tra sửa chữa hệ thống khai thác, chằng chống nhà, kho, đường vận chuyển....
- Thành lập và duy trì các hoạt động của đội cứu hộ, trực chống mưa bão của khu mỏ; đồng thời phối hợp với lực lượng cứu hộ, phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết;
- Thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước để đảm bảo được khả năng tiêu thoát nước tốt nhất.

## **4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác:**

Thực hiện theo các biện pháp đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**



**Phụ lục 05**

**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Trên cơ sở Báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường của Dự án “Mỏ đất san lấp Đức Bông 1, 2, xã Đức Bông, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh” đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 03/8/2022, Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

**1. Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường**

- Cải tạo, phục hồi môi trường khai trường khai thác:  
+ Gia cố lại phần mái taluy, kiểm tra chất lượng bờ moong để chống sạt lở, đổ đất hữu cơ dày 0,3m.

+ Tiến hành đào mương thoát nước đáy moong với tổng chiều dài 1.468m (khu vực 1 là 1.098m; khu vực 2 là 370m).

+ Diện tích cần san gạt sau khi khai thác ở đáy moong là 60.984 m<sup>2</sup> (khu vực 1 là 55.240m<sup>2</sup>; khu vực 2 là 5.744m<sup>2</sup>) để bàn giao cho địa phương quy hoạch sử dụng đất vào mục đích phi nông nghiệp (theo đề nghị của UBND huyện Vũ Quang tại Văn bản số 710/UBND-TNMT ngày 08/6/2021 và UBND xã Đức Bông tại Văn bản số 45/UBND ngày 24/5/2021). Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi về quy hoạch sẽ xem xét điều chỉnh phương án cải tạo phục hồi môi trường phù hợp.

+ Trồng cây xanh khu vực đai bảo vệ, bờ moong sau khi kết thúc khai thác với diện tích 2.638 m<sup>2</sup>, mật độ cây trồng 1.660 cây/ha (với tỷ lệ trồng dặm 30% mật độ cây trồng), kích thước hố cách hố 2m, hàng cách hàng 3m. Tổng số cây phải trồng là 438 cây.

+ San lấp 04 hồ lãng với khối lượng 558 m<sup>3</sup>.

- Tháo dỡ trạm cân, đường điện.

- Cải tạo phục hồi môi trường các hạng mục ngoài biên giới mỏ:

+ Duy tu, cải tạo tuyến đường vận chuyển từ khu vực 2 ra đường ĐT.552.

+ Nạo vét mương thoát nước với khối lượng khoảng 1.101 m<sup>3</sup>.

**2. Kinh phí thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường**

Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường (chưa bao gồm yếu tố trượt giá): 270.057.406 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm linh sáu đồng), trong đó:

+ Số tiền ký quỹ đã nộp, tính đến ngày 01/4/2024 (Theo Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường số 110/QBVMT ngày 01/4/2024 của Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Hà Tĩnh) là: 205.697.277 đồng (*Hai trăm linh năm triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm bảy mươi bảy đồng*);

+ Số tiền còn lại phải ký quỹ là 64.360.129 đồng (*Sáu mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn một trăm hai mươi chín đồng*).

- Số lần còn lại phải ký quỹ: 02 lần (theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 78/GP-UBND ngày 11/01/2022 và Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản số 2182/GP-UBND ngày 25/10/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh).

- Thời gian và số tiền ký quỹ: mỗi năm 01 lần; thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ. Số tiền ký quỹ, cải tạo, phục hồi môi trường (làm tròn) năm tiếp theo là: 43.744.000 đồng (*Bốn mươi ba triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*) và năm cuối cùng là 20.616.000 đồng (*Hai mươi triệu, sáu trăm mười sáu nghìn đồng*).

Số tiền ký quỹ trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá. Chủ cơ sở khi kê khai nộp tiền ký quỹ phải tính đến yếu tố trượt giá và được xác định bằng số tiền ký quỹ hàng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án, phương án bổ sung được phê duyệt. Chỉ số giá tiêu dùng hàng năm áp dụng theo công bố của Tổng Cục Thống kê cho tỉnh Hà Tĩnh hoặc của cơ quan có thẩm quyền.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Hà Tĩnh. Số tài khoản 132704070077777 tại Ngân hàng HD Bank - Chi nhánh Hà Tĩnh.

### 3. Thời gian, tiến độ thực hiện:

Hoạt động	Thời gian bắt đầu thực hiện	Tiến độ thực hiện	Cơ quan kiểm tra	Cơ quan thực hiện
<b>Khu vực mỏ</b>				
Kiểm tra, gia cố sườn tầng	Cả quá trình khai thác, khai thác đến đâu gia cố sườn tầng đến đó		Sở TNMT, UBND huyện Vũ Quang, UBND xã Đức Bồng và cơ quan chức năng có liên quan	Chủ cơ sở
Tạo hàng rào, biển báo quanh khu vực khai thác	Sau khi kết thúc khai thác mỏ	1,0 tháng		
Tạo hệ thống thoát nước đáy moong		0,5 tháng		
Tháo dỡ công trình phụ trợ				
San gạt mặt bằng đáy moong	Sau khi đào hệ thống thoát nước.	1,0 tháng		
Trồng cây đai bảo vệ và bờ moong	Sau khi san gạt	2,0 tháng		

<b>Hoạt động</b>	<b>Thời gian bắt đầu thực hiện</b>	<b>Tiến độ thực hiện</b>	<b>Cơ quan kiểm tra</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
Chăm sóc cây	Sau khi trồng cây	3,0 năm		
<b>Khu vực ngoài biên giới mở</b>				
Cải tạo, lu lèn tuyến đường công vụ	Sau khi san gạt trồng cây	0,5 tháng	Sở TNMT, UBND huyện Vũ Quang, UBND xã Đức Bồng và cơ quan chức năng có liên quan	Chủ cơ sở
Cải tạo mương thoát nước mở	Sau khi san gạt đáy mương	0,5 tháng		

Sau khi đã hoàn thành việc cải tạo, phục hồi môi trường, Chủ Cơ sở lập hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền và thực hiện các nội dung liên quan đến đóng cửa mỏ theo quy định.

#### **B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

- Chủ cơ sở phải thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**